

Bài 159. Kinh Tăng Chi | Chương Sáu pháp | Phẩm Chư Thiên | Sư Giác Nguyên giảng 03/02/2019

Kinh Trên Tất Cả

Nội dung này đã được giảng trong bài Sáu Pháp Vô Thượng: thấy vô thượng, nghe vô thượng...

Trước ngày chúng ta chưa biết Phật pháp, chúng ta thường dành thời gian để thấy, nghe, thường thức... cái này, cái kia. Khi biết Phật pháp rồi thì chúng ta biết rằng tất cả những thấy, nghe, sở hữu trên đời này, nếu không liên quan đến Phật pháp, con đường giải thoát, tu học, thì không có giá trị gì hết. Là nói từ góc độ tu hành.

Người không biết Phật pháp, không có lòng cầu giải thoát, nghe như trên thì có thể là khó chịu hay cười mỉa mai châm biếm rằng kinh này chỉ coi nặng vấn đề Phật pháp. Anh thờ Phật thì anh coi nặng Phật pháp, còn chúng tôi không cần những cái này.

Xin nói rõ là tất cả những gì Đức Phật tán thán, khen ngợi, khích lệ chúng ta thực hiện, hoàn toàn không ích lợi gì cho Ngài hết.

Ví dụ việc Phật dạy chúng ta niệm ân đức Phật không giống như việc một phàm phu mong mọi người khác tưởng nhớ, thương mến mình. Khi chúng ta tưởng niệm ân đức Phật, Ngài hoàn toàn không được gì hết, mà là chúng ta được lợi ích. Khi tưởng niệm ân đức Phật, chúng ta tưởng niệm đức lành của Ngài. Đó là những lẽ thiện, điều hay ở đời. Người sống mà trong tâm luôn ghi nhớ những điều hay lẽ thiện thì đương nhiên sẽ được an lạc, an lành. Chư Phật là biểu tượng cho điều lành. Chúng ta thờ lạy hay phỉ báng các Ngài thì các Ngài không được, mất cái gì hết.

Niệm Phật không phải là mình tưởng niệm một cá nhân, mà là sống, chìm sâu, thấm thía trong điều hay, lẽ thiện. Như vậy, cái thấy, nghe nào của mình đem lại cho mình sự an lạc thì đáng được xem là quan trọng. Thấy vô thượng, nghe vô thượng là vậy.

Đức Phật ví như mặt trời. Mình có nghĩ gì về mặt trời thì mặt trời cũng luôn luôn là như vậy. Chúng ta có ngứa mắt mà phun khạc lên mặt trời thì mặt trời không bị ảnh hưởng gì. Chư Phật ví như mặt trời đem lại ánh sáng cho đời, nếu mà chúng ta biết đón nhận thì tốt, không thì thôi, cứ đào lỗ chui xuống hầm sống trong bóng đêm.

Nội dung kinh này là như vậy. Trước khi biết Phật pháp, chúng ta tìm kiếm cái này cái kia để thấy, nghe, nhìn, thưởng thức... nhưng tất cả những cái đó rồi đây sẽ trở nên vô nghĩa vì hai lý do:

Khi ta trở về đất rồi thì tất cả những quá khứ, kỷ niệm thấy nghe, sở hữu ấy phải bỏ lại hết.

Tất cả những gì chúng ta thấy, nghe, tưởng nhớ, sở hữu, chỉ làm cho chúng ta khổ cách gián tiếp hoặc trực tiếp.

Tất cả những thứ này chúng ta không thể nhờ nó mà an lạc hiện tiền. Chúng ta có thể thưởng thức một nhạc hội, nhạc khúc, một bức tranh, bài thơ, phong cảnh đẹp... sử dụng sáu căn để hưởng thụ bao nhiêu thứ khoái lạc ở đời, chúng đều gián tiếp hoặc trực tiếp dẫn đến đau khổ. Tôi tin chắc như vậy. Ở tuổi này tôi thấm thía chuyện đó vì kinh nghiệm sống. Càng thích nhiều thì càng khổ nhiều. Thích một thì đó là nguồn khổ làm cho khổ mười, một trăm, một ngàn, chứ không phải thích một thì khổ một.

Đã là nguồn khổ thì có nhiều cái khổ liên quan. Không phải Đạo Phật bi quan, mà đó là sự thật. Khi mình thích nhìn ngắm cái gì đó, thì mai này mình không nhìn ngắm được thì sẽ khổ. Còn khi không thích cái gì đó mà phải nhìn ngắm thì sẽ khổ. Mà những cái mình không muốn thấy nhiều lắm, ví dụ một bãi nước bọt, đồng phân, bụi gai, một gương mặt không thiện cảm...

Còn đời sống của bậc Thánh thì sáu căn luôn được kiểm soát bằng Chánh Niệm và Trí Tuệ. Các Ngài không nhìn cái gì bằng tâm tham đắm, thích thú hết, không khó chịu bất mãn trong bất cứ cái gì nghe, nhìn thấy. Đây là lý do có bài kinh này.

Kinh Hữu Học

Nội dung kinh này cũng đã giảng rồi. Một vị Tỳ-kheo cạo đầu đắp y, thọ đại giới, sống giữa Tăng chúng cách tốt lành, mà chỉ cần mắc vào một trong sáu điều sau thì coi như y như cư sĩ, không giúp ích gì cho mình:

Thích công việc, bày chuyện để làm.

Thích nói chuyện tâm sự.

Ưa thích ngủ nghỉ, an dưỡng.

Ưa thích đàn đúm, hội họp.

Sáu căn không phòng hộ.

Ăn uống không chừng mực.

Nhìn qua thì thấy sáu điều này không có gì nặng nề. Nhưng nhìn kỹ, nếu dính vào sáu cái này thì sống hai mươi bốn giờ một ngày y như người cư sĩ, sống trong bể khổ. Đây là cái luật của vũ trụ. Người cư sĩ tất nhiên là sống trong chợ đời, là sống trong bể khổ. Khi ghé nhà cư sĩ, Phật tử, nhìn qua là đã thấy sợ với trẻ con, con cái nô đùa trong nhà, bàn ghế đồ đạc bày biện tùm lum, mua sắm cái này cái kia, thích hay không thì cũng có những buổi họp mặt. Còn người xuất gia thì càng đơn giản, càng ít càng tốt.

Cư sĩ thì không thể đơn giản như người tu được. Nên người xuất gia mà dính vào sáu cái này thì y chang như cư sĩ, phải xét lại lá y trên người. Đồng thời mình phải hiểu là vị ấy có một cuộc sống khổ nạn và hiểm họa y như cư sĩ. Chứ không phải tự nhiên mà Đức Thế Tôn khuyên nên tránh sáu điều này, mà nó có lý do sâu thẳm trong đó.

Kinh Không Thoái Đọa

Thoái đọa là thụt lùi và mất mát, Parihāni.

Khi đọc bản kinh tiếng Việt mà không có giải thích, suy tư, không xem Chú giải thì mình thấy đoạn kinh này không có gì hết, chung chung kêu tu hành thôi. Nhưng nếu có coi Chú giải, có suy tư thẩm thía, có trải nghiệm trong đời sống tu học, thì chúng ta thấy rằng kinh này là nội dung tu hành của người xuất gia nói riêng và của người tu hành nói chung.

Một, không tôn kính bậc Đạo Sư, Đức Phật.

Có người hỏi tôi: thờ Phật, đeo tượng Phật có hết sợ ma hay không? Tôi trả lời là đến Đức Phật mà còn bị phá, nói gì mình. Chuyện mình thờ Phật, đeo tượng Phật làm sao bì bằng Đức Phật bằng xương bằng thịt. Chính Ngài là Tứ Sanh Tử Phụ, Thiên Nhân Chi Đạo Sư mà Ngài còn bị phi nhân phá.

Cách đây không lâu, bài kinh Madhura kể rằng khi Ngài ôm bát đi vào thành khất thực, Ngài nhìn thấy một con Dạ-xoa lồ lộ đứng duỗi hai tay ra phía trước, le lưỡi dài như cương thi. Đức Bốn Sư là bậc Chánh Đăng Chánh Giác, đức lành của Ngài bao trùm vô lượng vũ trụ. Bằng chứng là khi còn phàm, Ngài từ Tusita giáng sanh, nhập thai là mười ngàn vũ trụ rung động. Khi Ngài đản sanh, thành đạo, chuyển Pháp luân thì vô lượng vũ trụ rung động. Ân đức của Ngài không kể xiết, vậy mà Dạ-xoa vẫn phá.

Nên tôi nói thế này: có gặp ma hay không, chuyện đó không quan trọng. Quan trọng là tâm tư, cảm xúc của mình khi gặp họ. Chuyện anh sống thọ hay yếu không quan trọng, mà quan trọng là thái độ, tâm tư, cảm xúc trước cái chết. Sáu căn anh nó gặp sáu trần nào không quan trọng, quan trọng là tâm tư, cảm xúc thế nào khi...

gặp gỡ sáu trần.

Ở đây tôi nói tôn kính bậc Đạo Sư là sao? Là trong lòng luôn luôn có Ngài ngự ở trên đầu của mình. Mình luôn có niềm tin ở Ngài, giống như mình tin rằng cha mẹ mình, cha mình là chồng của má mình, má mình là vợ của ba mình, ba má đã hợp sức nhau

để tạo nên hình hài và cuộc đời của mình. Ở giáo đường sinh thành của hai bậc đó không có phủ nhận được. Tin chắc như vậy.

Đối với Thế Tôn cũng vậy, mình tin là Đức Thế Tôn là người đã tu tập từ vô lượng kiếp. Vì đại bi, đại trí; nhờ đại bi thương muôn loài, nhờ đại trí mà biết đường huân tu muôn pháp lành. Trở thành bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, cái gì Ngài cũng biết, ai Ngài cũng thương, đức lành nào Ngài cũng có. Thờ Phật là thờ như vậy đó. Nghĩ về Phật là phải nghĩ bằng cái sự hiểu biết và tin tưởng như vậy thì mới là có lòng tôn kính bậc Đạo Sư, chứ không phải là kính suông. Gặp tượng Phật chấp tay xá thì đó không phải là cung kính.

Tin chắc cái điều mình hiểu và hiểu chắc cái điều mình tin. Thờ Phật phải thờ như vậy mới là tôn kính bậc Đạo Sư. Và như vậy thì khi đứng trước cái chết, một cảnh kinh hoàng dễ sợ, thì mình vẫn bình tâm thanh thản. Được cái lợi đó. Chưa kể là mình gieo duyên giải thoát với chư Phật, thì đời sau kiếp khác nghe tới chữ Phật là mình tự nhiên hồi tâm chuyển ý liền.

Tôn kính Pháp cũng vậy. Mình tôn kính Phật thì mình tôn kính lời dạy của chư Phật, tôn kính người hành trì Giáo Pháp, theo lời Phật dạy. Đó là chuyện đương nhiên. Phật là người tu theo Pháp, dạy Pháp, nhưng có Pháp mới có Phật. Chính Pháp đã tạo ra quả vị Phật.

Chư Tăng ở đây gồm bốn đôi tám vị, bốn Đạo bốn Quả, chứ không nói riêng Tăng tục, xuất gia, cư sĩ. Trong bài Supatipanno không hề nhắc đến chuyện không, có tóc, mà chỉ nói bốn Đạo bốn Quả. Còn vấn đề chư Tăng có y bát, không có tóc là bên Tạng Luật. Tăng trong tạng Kinh thì 50:50; có lúc nói Tăng là bốn Đạo bốn Quả, có lúc nói đến người không tóc có đại giới. Còn đặc biệt là trong Abhidhamma thì không hề nói đến Tăng là không tóc với y bát, mà chỉ nói Tăng là bậc bốn Đạo bốn Quả. Đó là tôn kính Phật, Pháp, Tăng.

Tôn kính Học Pháp là gì? Là tôn trọng, tin tưởng lý tưởng của Giáo Pháp.

Tôn trọng Pháp là chuyện khác. Đối với Phật Pháp mình tin chắc Phật dạy như vậy là đúng với quy luật của vũ trụ.

Còn tôn trọng Học Pháp là ngay trong đời sống bình thường luôn luôn hành trì Tam Học. Hành trì Tam Học, Giới Định Tuệ, một cách cẩn cẩn nghiêm trì. Có công thức này: Giới năng sinh định, định năng sinh tuệ, tuệ năng dẫn đến giải thoát. Luôn sống trong tinh thần cẩn cẩn nghiêm mật hành trì Tam Học, tôn trọng Học Pháp.

Về Giới Học: không phải không phạm là giữ giới, mà là sự cố ý kiêng tránh điều ác trong Tam Nghiệp mới gọi là Giới Học. Trang nghiêm Tam Nghiệp, kiêng tránh Tam Nghiệp bất thiện.

Giới Học một, thân nghiệp: là thân không làm điều gì làm khổ chúng sanh, không làm gì do phiền não tác động, trang nghiêm thân nghiệp.

Giới Học hai, khẩu nghiệp: là khẩu không nói gì làm khổ chúng sanh khác, không nói gì do phiền não sai khiến, trang nghiêm khẩu nghiệp.

Giới Học ba, ý nghiệp: là ý không để phiền não chi phối.

Có hai trường hợp là phiền não trực tiếp, gián tiếp.

Phiền não trực tiếp là tham, sân, si tác động làm cho mình làm những chuyện hại mình, hại người.

Phiền não, bất thiện gián tiếp là sống trong tâm thiện nhưng thiện đó đặt nền tảng trên bất thiện; như làm phước mà cầu quả nhân thiên, quả sinh tử, hưởng cái này cái kia. Nên người tu ý nghiệp rất ráo, một là họ không để tham sân si đã đành, mà về ý nghiệp, một là họ không sống theo tham sân si, hai là không cầu quả luân hồi dù mình hành, nói, suy nghĩ thiện. Còn cầu quả luân hồi thì vẫn còn phiền não gián tiếp. Giống cái muống rớt vô đồng phân thì phải xét lại cái muống đó, chứ không thể nói muống là muống, phân là phân. Không biết có ai dám rửa mà dùng lại hay không.

Nếu cái muốn rẻ tiền chắc họ bỏ luôn. Ở đây cũng vậy, dù đó là lòng lành làm phước nhưng còn ý cầu sanh tử thì đó là phước hữu lậu. Tại sao phước hữu lậu đáng sợ? Vì chính vì cái hữu lậu, lòng cầu sanh tử này mà trong vô số kiếp luân hồi cho tới hôm nay còn ngồi ở đây. Nó dễ sợ kiểu khác, còn cái bất thiện dễ sợ kiểu khác. Sống bất thiện thì gặp sáu trần bất toại, thân tâm bất mãn, sợ hãi, khó chịu. Sống với tâm lành thì gặp sáu trần như ý. Phạm phu gặp sáu trần như ý thì biết chuyện gì xảy ra rồi.

Cầu giải thoát thì phải làm thiện, quả lành. Nhưng quả lành ở người không tu thì là phương tiện hưởng lạc, là điều kiện cho phiền não, bất thiện. Quả lành ở người có tu thì là điều kiện tu tiếp. Tùy quý vị thôi. Đẹp, có tiền là chuyện cũng hay. Có nhan sắc thì dễ ăn nói. Tôi không chê tiền, người có nhan sắc, sức khỏe, dễ thương, có quyền lực, vì chúng là phương tiện tốt. Nhưng nếu có mấy cái này mà sợ ý thì đó là cái họa của mình. Giống như con dao bén thì rất đắc dụng nhưng dễ làm đứt tay tới xương. Nếu nói tu không cần mấy cái này là nói dóc, nhưng vấn đề là anh sử dụng nó như thế nào.

Nói tôn kính Tam Học là phải nói vậy.

Kế tiếp là không phóng dật, là thế nào? Phóng dật có ba:

Một, chớ coi thường điều thiện nhỏ rồi không làm.

Hai, chớ coi thường điều ác nhỏ rồi làm.

Ba, kinh sợ mọi hình thức tái sanh dù vi tế cách mấy.

Có ba giọt dầu.

Dầu một: dầu thiện nhỏ cách mấy cũng nên làm.

Dầu hai: dầu ác nhỏ cách mấy cũng không nên làm.

Dầu ba: dầu một chút hình thức hiện hữu vi tế nhất, cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, thân không có, tâm có như không, cũng không nên có. Hễ còn một chút hiện hữu thì

cũng như còn một đốm lửa nhỏ, mà lửa thì không có nhỏ.

Không sống đúng với ba cái này được gọi là dễ người, phóng dật. Đây là ba giọt dầu ta phải nhớ, nếu không sẽ là ba đại họa sanh tử.

Có một số thứ không thể nói là nhỏ, ví dụ như con rắn nhỏ, vì nó vẫn có độc chết người. Hễ còn nói chữ nhỏ ở đây thì vẫn có lòng coi thường. Về phương diện đề phòng thì chỉ nên nói con rắn, không nên nói con rắn nhỏ. Đốm lửa cũng vậy. Đầu tàn thuốc đang cháy vẫn có thể gây cháy tương đương với đồng lửa to vài chục mét. Ví dụ như dí đầu tàn thuốc đang cháy vô bình xăng.

Người sợ sanh tử thì dù một chút hiện hữu cũng đáng ngán sợ. Còn một chút khả năng tái sanh là còn cánh cửa mở vào đại họa. Không nên kể sự tái sanh của vị Tu Đà Hoàn ở đây vì các vị chỉ còn cái trốn. Tái sanh của vị Tu Đà Hoàn là nói theo lý, còn trên thực tế bảy kiếp còn lại của các vị không đáng kể.

Bảy kiếp đó quá nhỏ so với vô lượng kiếp. Và bảy kiếp đó các vị sống trên mây chứ không sống dưới sinh như mình. Phạm phu mình còn một tí cơ hội tái sanh thì chuyện vào A Tỳ địa ngục, làm dòi, kiến, sâu là cực lớn. Làm con hầu bám vào đá thì tôi ớn quá đi. Vô tới con hầu rồi là vô phương, cơ hội quay ra là ngàn trùng biệt xứ, chỉ cách sỏi đá một ly thôi, không còn cơ hội gặp Phật, nghe Pháp, tu hành, thiên định gì nữa.

Ví như làm con ốc sên thì cũng còn thấy nắng gió, ánh trăng... Còn tôi sợ nhất là kiếp con giun đất, con hầu, không khác gì sỏi đá.

Cuối cùng là kính trọng tiếp đón.

Đọc tiếng Việt mà hiểu là tôi chết liền. Trong kinh, chữ... có nghĩa là thù tạc, đối đãi, tiếp đón. Dịch chính xác nghĩa là nghiêm cẩn khi nghĩ về Phật, Pháp, Tăng; nghiêm cẩn tu tập Tam Học; sống không phóng dật và nghiêm cẩn trong khi thù tạc, thù tiếp với đời.

Nghiêm cần trong khi thù tạc, thù tiếp với đời là sao? Thù tạc nghĩa là qua lại.

Trong kinh nói có hai trường hợp mình thù tạc với đời:

Một, về vật chất: đãi ăn, mời mọc, tặng quà nhau, tiếng Pali là...

Hai, về giáo pháp: gặp nhau, đối tiếp đãi với nhau bằng giáo pháp. Tiếng Pali là... Là cùng nhau tu tập thiền định, trao đổi giáo lý.

Một câu chuyện đẹp nhất về một vị hòa thượng nay đã lớn tuổi. Khi còn là sư trẻ, có một lần ngài đi đến Gò Dưa, Sóng Thần, để thăm Hòa thượng Pháp Minh sống trong một cốc nhỏ ở Gò Dưa. Tới giờ ngài Pháp Minh đi bát thì vị này cũng đi bát theo sau lưng. Đi bát xong thì hai vị dừng chân ở một nghĩa trang. Ngài Pháp Minh lấy chiếc y tắm mưa, là một tấm vải hình chữ nhật. Ngài gấp tấm vải lại, một phần là hai lớp, một phần là một lớp. Theo luật thì ngài Pháp Minh ngồi trên phần hai lớp, cao hơn; phần một lớp thì vị kia ngồi. Ngài mới soạn bình bát ra và chia hai phần cho hai người dùng ngay nghĩa trang, dùng đồ ăn khát thực.

Nói chuyện xong, vị sư trẻ, nay là vị hòa thượng, đành lễ ngài rồi đi. Vị sư trẻ nay là vị hòa thượng nói: không có nói gì nhiều. Đi sau lưng ngài Pháp Minh, thấy ngài ấy đi chân trần, ôm bình bát, nắng chang chang. Trong khi chư Tăng các chùa nghe đánh keng là vào trai đường có sẵn thức ăn với mâm chén muống dưa đầy đủ. Đồ khát thực thì có gì dùng đó.

Theo trong kinh thì trường hợp này đúng là đãi nhau bằng thức ăn, nhưng thức ăn là chuyện nhỏ. Còn cái hình ảnh, gương mẫu, ấn tượng mà ngài Pháp Minh để lại đeo bám tâm trí vị này suốt nhiều năm trời. Nhớ đến ngài Pháp Minh là nhớ đến buổi ăn trưa nơi nghĩa trang hôm đó.

Trường hợp này nhìn thì thấy là mời nhau thức ăn, nhưng thật ra ở đây là đem cả Pháp, hình ảnh gương mẫu để mời, trao tặng cho người khách, để người khách ra về rồi mà vẫn luôn nhớ về buổi gặp mặt đạo tình và đạo vị hôm ấy. Sống sao cho người

ta gặp, nghe, thấy mặt mình mà lòng bèn tỉnh tấn hơn, nghĩ về Phật, chuyện tu hành nhiều hơn: tiếp đãi nhau bằng Chánh Pháp.

Còn nếu gặp nhau trao nhau món quà đắt tiền hay thậm chí là những muộn phiền thì không có nghĩa lý gì. Món quà nào cũng phai phôi ý nghĩa, cảm xúc, nhưng món quà tâm linh, tinh thần thì nó đẹp và mình nhớ suốt đời. Hôm nay kể lại câu chuyện này, tôi vẫn có cảm xúc như ngày cũ. Mình phải cảm ơn những con người như ngài Pháp Minh đã cho mình niềm tin rằng Thánh Hiền, người viễn ly độc cư, ly tham thiếu dục, cầu đạo giải thoát là có thật. Chứ còn nào giờ mình toàn nghe nói và đọc trong sách, mình cần những người là trang kinh sống động.

Kinh có ba:

Kinh giấy là những trang kinh viết trên giấy.

Kinh tượng là những bức tượng nhìn vào là thấy từ bi, trí tuệ, kham nhẫn, bao dung, Chánh niệm, thiền định đầy ắp, phảng phất ở đó. Bức tượng thờ mà được như vậy, mỗi lần mình có chuyện muộn phiền đau khổ, mình nhìn bức tượng là lòng khác liền. Tôi có một, hai bức tượng Bốn Sư mà mỗi lần nhìn, lòng tôi lắng xuống.

Mình sanh tử bằng sáu trần thì mình cũng có thể giải thoát bằng sáu trần. Nhiều đời nhiều kiếp mình thấy toàn tào lao, những cái làm mình nặng lòng, cực lòng. Hôm nay may mắn biết Phật Pháp, mình được nhìn thấy tôn nhan Thế Tôn, tuy không chính xác lắm, nhưng thông qua đó, mình có thể liên tưởng rằng nơi gương mặt, nụ cười, ánh mắt ấy không hề có chỗ cho sự tự hiềm, toan tính, nhỏ mọn, phàm tâm, tư duy luân hồi sinh tử.

Kinh người.

Cho nên hôm nay chuyện chúng ta để lại ấn tượng tốt cho nhau rất là quan trọng.

Tu là tu cho mình, nhưng còn trong thế giới này thì còn trách nhiệm, bốn phận đối với người khác. Ví như mình ăn cho mình, nhưng ăn sao cho người ta nhìn và học

hỏi, có thiện cảm. Nên trên thế giới luôn có các lớp dạy cách ăn uống, pha trà, đi, đứng, hành xử, ăn cua, ăn cam... sao cho sang, đúng cách, gây ấn tượng tốt cho người khác. Cách đối đãi, hành xử đẹp với nhau cũng là một phần trong trách nhiệm của chúng ta trong cuộc sống. Nhưng tất cả những cái đó không bằng ấn tượng về chuyện tu hành, giáo pháp.

Như vậy, một người sống, tu tập luôn nghiêm cẩn với sáu pháp, đề mục này: về Đạo Sư, Giáo Pháp, chư Tăng, Tam Học, đời sống tu học mỗi ngày, sự tiếp đãi qua lại với người khác, thì chắc chắn là tu học hoàn hảo. Mình phải có niềm tin như vậy.

Kinh 33, nội dung giống như vậy. Có sửa một chút.

Ở đây, luôn nghiêm cẩn với sáu pháp, đề mục này: về Đạo Sư, Giáo Pháp, chư Tăng, Tam Học, nhưng hai điều cuối cùng là nghiêm cẩn để luôn có được Tàm và Úy.

Tàm là biết thẹn, biết liêm sỉ khi nghĩ về mình và về đoàn thể mình đang có mặt, hoặc là người trên, người trước của mình.

Nghĩ về mình biết thẹn là sao? Là nghĩ: người như mình mà sao lại làm chuyện đó?

Chữ “mình” ở đây không phải để thấy mình bảnh, kiêu ngạo, mà là nghĩ về bản thân để có lòng tự trọng.

Trong kinh kể có lần, có một vị Arahant tên là Dabba Mallaputta, vị Đệ Nhất Tri Xứ. Tri Khách là chuyên tiếp khách. Tri Tạng là vị chuyên lo chuyện Phật tử thỉnh cúng dường trai Tăng. Tri Xứ là vị này vô địch trong số các vị đệ tử Đức Phật về việc sắp xếp chỗ ở cho chư Tăng. Chư Tăng về đông bao nhiêu đi nữa thì ngài vẫn sắp xếp ổn thỏa. Chư trưởng lão, những vị bệnh, già, trẻ, tân thọ, mới tu, ở đâu. Ban đêm chư Tăng hầu Phật nghe Pháp xong trở về chỗ của mình thì trời đã tối. Những vị Thánh có thần thông thì không sao, những vị không có thần thông thì ngài đứng giữa khu vực chỗ ở của chư Tăng rồi đưa ngón tay lên, trên đầu ngón tay là một ngọn đuốc.

Lúc đó ngài an trú trong thiền hỏa giới Tejodhātu thì ngón tay ngài là một ngọn đèn sáng rực. Chư Tăng theo ánh sáng ấy mà về chỗ của mình.

Có hai vị Tỳ-kheo kia, do oan trái kiếp trước, không thích ngài. Họ tung tin nói xấu rằng ngài bê bối với phụ nữ.

Đức Phật gọi ngài vào hỏi trước mặt chư Tăng mấy ngàn vị và hai vị Tỳ-kheo tố cáo kia:

“Dattamalaputta, Như Lai nghe như vậy có đúng không?”

Ngài trả lời:

“Bạch Thế Tôn, Thế Tôn biết rõ con.”

Phật hỏi lại lần nữa:

“Dattamalaputta, có làm chuyện mà người ta tố cáo không?”

Ngài trả lời:

“Bạch Thế Tôn, Thế Tôn biết rõ con.”

Phật nói:

“Dattamalaputta, có làm thì nói có, không làm thì nói không có. Không thể trả lời như vậy. Người của dòng họ Malla không nói năng mơ hồ như vậy. Mình phải chứng tỏ sĩ khí, hào khí của mình.”

Như vậy chúng ta thấy, trong những trường hợp đặc biệt thì Đức Phật cũng nhắc đến thân thế. Nhưng nhắc như vậy không phải để kiêu ngạo, mà để mình sống tự trọng. Vì Phật biết ngài Dattamalaputta là một vị Arahant. Nhưng trước mặt chúng Tăng có phạm có Thánh thì phải làm rõ như vậy.

Lúc đó ngài Dattamalaputta thưa:

“Bạch Thế Tôn, con không làm chuyện đó.”

Như vậy ở đây, tầm có hai:

Một, nghĩ về mình: người như mình không nên làm chuyện đó.

Hai, nghĩ về người khác: gia thế của mình như vậy, đoàn thể Tăng-già mình có mặt thanh tịnh, tốt đẹp như vậy, sư phụ, huynh đệ của mình là những người như vậy, lẽ nào mình lại như vậy.

Hoặc là đàn tín hộ trì mình, cái người tin tưởng mình như vậy, tại sao mình lại làm như vậy thì đã phụ lòng họ, chà đạp lên niềm tin yêu của họ rồi. Đó là nghĩ về người khác để mà biết thẹn tội lỗi.

Tầm có hai là nghĩ về mình, về người để mà thẹn.

Cuối cùng là úy. Úy là sợ. Sợ có bốn:

Một, sợ tiếng đời, không muốn tiếng đời dị nghị.

Hai, sợ lương tâm cắn rứt.

Ba, sợ pháp luật trừng trị.

Bốn, sợ khổ báo đời sau. Khổ báo tức là quả báo đau khổ.

Sống đúng sáu điều này thì an lạc và được giải thoát.

Kinh Đại Mục Kiền Liên

Nội dung kinh gọn và sâu.

Ngài Mục Kiền Liên suy nghĩ, không phải thắc mắc: có bao nhiêu vị Dự Lưu trong thời giáo pháp của Đức Phật Gotama?

Đồng thời ngài Mục Kiền Liên, là bậc Đệ nhất thần thông, Đệ nhị Thanh văn, xuất hiện nơi cõi Phạm thiên và hỏi một vị trước là một vị Tỳ-kheo, vô danh, không nổi tiếng, nay vừa tái sinh làm Phạm thiên trên đó. Hỏi đây là để có một cuộc trao đổi, chứ không phải ngài không biết. Chuyện ngài Mục Kiền Liên đi lên cõi Phạm thiên dễ như ta co duỗi cánh tay.

Câu trả lời của vị Phạm thiên là:

“Cả sáu cõi Dục thiên đều có thánh nhân hữu học đệ tử của Đức Phật Gotama nhưng không phải tất cả đều là thánh nhân.”

Ý nghĩa sâu xa của bài kinh là: ở đâu có sự hành trì, có trí tuệ giác ngộ thì ở đó có thánh nhân.

Sáu cõi Dục thiên là sáu chỗ hưởng thụ. Ở cõi người đây, mình cho là sung sướng nhưng trong kinh ghi là ngay cả vị Chuyển luân vương, cái khoái lạc sung sướng của vị ấy, chưa bằng một phần mười sáu, là cách nói trong kinh của người Ấn Độ thời bấy giờ, cũng có thể hiểu là một phần trăm của cõi... Sự tập trung hưởng thụ cõi Dục là ở các cõi trời Dục thiên. Vậy mà hễ ở đó có hành trì, có lắng tai, lắng lòng, lắng tâm, chánh niệm, trí tuệ thì ở đó có thánh nhân.

Ý nghĩa sâu của bài kinh nằm ở đó.

Tôi đang bận hoàn tất:

Quyển Chuyện Phiếm 2, Tâm Thức Gió Lùa, quyển này bàn đến tất cả những điểm mà tôi cho là quan trọng về tu học, về cách tiếp cận kinh điển như thế nào cho có lợi ích, những thao thức trăn trở của một hành giả, tại sao chọn truyền thống này mà không theo truyền thống khác. Không đề nghị quý vị phải đi theo truyền thống nào.

Quyển Đò Xuôi Sơn Hạ. Mượn thơ nói lên điều muốn nói.

Quyển Tương Ưng Bộ Kinh, chỉ quyển một, lên gần 600 trang.

Kinh Sáu Minh Phần

Đã giải thích rồi.

Tường vô thường: luôn sống trong nhận thức rằng những gì thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng; sắc, thọ, tưởng, hành, thức; những gì thuộc danh, sắc, thuộc căn, cảnh, thức, nghĩa là uẩn, xứ, giới; những gì thuộc Khổ đế, Tập đế, Đạo đế; thuộc về sanh tử, hành trì, tu tập đều là vô thường. Chúng ta lấy những điều này tu tập để không còn bị quần quanh trong cõi vô thường nữa.

Trong bài giảng của tôi bên Cali: chúng ta sống trong cõi mộng ảo, nhưng phải chấp nhận cái mộng ảo ấy. Chúng ta tránh cái ác ảo, hành cái thiện ảo để không bị khổ ảo, được cái lạc ảo.

Tại sao cần lạc ảo? Lạc ảo đây không phải là đắm mê niềm vui hư ảo, mà đây là điều kiện. Từ cái thiện là ảo thì cái quả nó cũng là ảo. Nhờ quả thiện ảo đó, chúng ta mới có điều kiện tiếp tục làm những việc thiện khác, mới có được các pāramī. Bản thân pāramī cũng là ảo.

Ảo là sao? Cũng vô ngã, vô thường y như bao nhiêu thứ ở đời. Hễ cái gì thuộc về hữu vi, thuộc về danh sắc thì đều là ảo. Thấy vậy mà không phải vậy, có đó mất đó, gọi là ảo.

Sống trong mộng ảo, ta phải lệ thuộc các điều thiện mộng ảo, tránh ác ảo để không bị khổ ảo. Phải hành thiện ảo để được cái lạc ảo, tiếp tục tu tập thiện ảo khác, thoát khỏi cuộc đời mộng ảo. Tất cả đều là giả hết nhưng vì đó mà không thêm tu là sai. Mình phải lấy cái ảo để đổi lấy cái thật.

Ảo đây phải hiểu đúng, là có đó mất đó. Như thấy người ta biểu diễn ảo thuật, mình thấy rõ ràng là tờ giấy, rồi nháy mắt thành tờ 5 đô, tờ 100 đô, rồi thành tờ giấy trắng như cũ. Thấy vậy mà không phải vậy, không tin được.

Tâm thiện, ác của mình có tích tắc rồi mất. Quả thiện, ác cũng vậy, sướng, khổ có tích tắc rồi mất, thay thế bằng một cái sướng, khổ khác. Ảo là ảo như vậy. Là vô thường tướng.

Tướng khổ vô thường là gì?

Cái gì là vô thường, cái đó phải dính kèm với cái khổ. Khổ có hai:

Một, khổ cảm xúc: làm cho thân tâm mình khó chịu, đau đớn, sợ hãi, nói chung là không thích, bất mãn.

Hai, khổ bản chất: là tính bất toàn, bất trắc, bất toại.

Thứ nhất là quán vô thường, thứ hai là quán khổ trong vô thường, thứ ba là quán vô ngã trong khổ. Xưa giờ mình vẫn nghĩ đây là tôi, của tôi. Chúng ta cố ý đi tìm một cái quốc tịch, thân phận trong một xứ sở đau buồn. Vì không biết đó là một xứ sở đau buồn nên chúng muốn xác định tình trạng quốc tịch, thân phận, quê hương, bản quán của mình.

Chúng ta không đại dốt xin làm công dân ở những quốc gia như Iraq, Syria, Palestine. Vì ở đó rất là nguy hiểm.

Ở đây cũng vậy, khi thấy cái gì vô thường thì phải hiểu ở đó có hai thứ khổ, cần được xem ở đó là vô ngã. Vì ngay trong bài Kinh Vô Ngã, Đức Phật đã dạy:

“Này các Tỳ-kheo, nếu năm uẩn này là của các người thì các người có thể mong cho chúng như thế này, đừng như thế kia.”

Trong kinh nói như vậy. Các người có thể sắp xếp, kiểm soát, mong đợi nó hãy như thế này, đừng như thế kia. Mà đấng này không được. Hễ mà có mặt thì phải vô thường; có vô thường thì có hai thứ khổ. Hễ vô thường và khổ thì không có đáng cho mình tìm thấy chỗ đứng của cái tôi và của tôi.

Bây giờ mình còn trẻ khỏe, giàu đẹp, bánh, ngon lành thì còn len lén coi cái này là tôi, của tôi. Thử bị phán ung thư một cái thì biết. Nhìn cái thân này đau quá, rồi sợ hãi, thì mới thấm: ồ, thì ra mình đâu có muốn hai cái này, đau khổ và sợ hãi. Mình đâu muốn chết. Vậy mà chúng vẫn xảy ra. Lúc đó mình thấm cái vô ngã là như vậy.

Tưởng Đoạn Tận là sao?

Vị hành giả thấy rằng mọi có mặt là khổ. Sự có mặt của khổ là khổ đã đành, mà sự có mặt của lòng đam mê cũng là khổ. Vì đam mê trong cái gì cũng là đam mê trong khổ. Muốn hết khổ thì đừng đam mê nữa. Sự có mặt của khổ là khổ, sự có mặt của nguyên nhân sanh khổ cũng là khổ.

Mình bị tiểu đường, lở loét, không lành vết thương là khổ. Khi ngồi trước một cái mâm toàn đường, đồ ngọt, mình cũng thấy đó là khổ. Người sợ bệnh nhìn thấy cái mâm đồ ngọt, chén chè là thấy không vui rồi. Đó được gọi là khổ.

Vị ấy quán tưởng về cái khổ, khổ đế và khổ tập như vậy. Khổ đế là tất cả khổ, khổ tập là nguyên nhân của khổ đế. Chấm dứt hai cái đó là Tưởng Đoạn Tận.

Tưởng Ly Tham cũng vậy. Vị ấy thấy rằng cái hạnh phúc nhất trên cõi đời này là không thích cái gì hết. Vì sao? Vì thích ở đâu là khổ theo liền ngay sau đó.

Tham có hai:

Khổ đời này có bốn. Ngay hiện đời, tham làm cho mình có những cái khổ sau: có tham nên kiếm tìm. Hành trình kiếm tìm là khổ: phải đi làm, cày như trâu, bán buôn khổ sở. Tìm không được là khổ: bị lay-off, mất việc, bán buôn thua lỗ. Tìm được phải bảo quản, giữ nó là khổ. Bảo quản, giữ không được là khổ.

Khổ tương lai có hai: trực tiếp và gián tiếp.

Khổ trực tiếp: vì tham ái mà chúng ta làm đủ thứ chuyện, chết rồi sa đọa vào bốn cảnh giới khổ.

Khổ gián tiếp: chúng ta sanh về chỗ sung sướng để rồi quên tu, trở về cõi khổ.

Khổ hiện tại có bốn, khổ tương lai có hai. Nghe con số thì ít nhưng nó độc không kém. Khổ tương lai, sanh vào cõi đọa thì khổ đã đành, sanh vào cõi sướng thì khổ kiểu sướng quá quên tu.

Giả sử sống nơi cõi trời mấy tỷ năm, lúc đầu thì vui sướng, nhưng khi thấy dấu hiệu mình sắp chết mà bao lâu nay không tu hành gì hết, các vị hình dung cảm giác đó không? Biết sắp đi rồi mà bao năm qua mình toàn hưởng thụ, run sợ cỡ nào.

Còn người u mê không biết gì, không biết Phật pháp thì lại run kiểu khác. Họ chỉ biết chết sắp tới mà không biết chết là hết hay còn đi nữa. Nếu đi nữa thì cỡ mình đi về đâu? Đó là người không biết đạo.

Người biết đạo thì lại run kiểu: bao nhiêu năm qua mình có tu không? Nếu không tu thì chắc chắn mình đi xuống cõi đọa. Tưởng Ly Tham là như vậy. Thấy rằng không có con đường nào dành cho mình ngoài con đường ly tham, ly dục.

Tưởng Đoạn Diệt:

Chỉ cần còn một sự hiện hữu nhỏ xíu của thân tâm là khổ; có hai.

Còn nhân sanh tử: còn tham, sân, si, ái, mạn, kiến, nghi... cũng là khổ.

Còn quả sanh tử là khổ: còn sự hiện hữu nào đó, làm người, chó, chư thiên, Phạm thiên... cũng là khổ.

Ghi chép hoàn tất.